TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HSST
Ngày: 29 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiền

2. Ông Hoàng Văn Hán

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Minh Thắng- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Thuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T;** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 06/10/1989, tại tỉnh B;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường M, thành phố Đ, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn V, con bà: Lò Thị O. Vợ: Lò Thị D (Đã ly hôn), con: Có 01 con đã chết. Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 19/9/2019, bị tòa án nhân dân thành phố Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng, ngày 19/9/2021 bị cáo chấp hành xong, nhưng chưa hết thời gian được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Nhân thân: Ngày 31/8/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 36 tháng 06 ngày về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", ngày 06/9/2014, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án, nên đương nhiên được xóa án tích. Ngày 06/7/2015, bị tòa án nhân dân thành phố Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn

24 tháng, bị cáo đã chấp hành xong ngày 14/7/2017, nên được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/8/2023, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 29/8/2023 bị cáo Lò Văn T bắt xe ôm của một người đàn ông không quen biết đi xuống bản Xôm, xã T, huyện B, tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến nơi T đi bộ một mình vào trong bản. Vào bản T gặp và hỏi mua của một người N niên không quen biết đứng ngoài đường được một gói ma túy được gói bên ngoài bằng mảnh nilon màu trắng, bên trong có các cục chất bột màu trắng, với giá 50.000 đồng, bị cáo khai đó là ma túy loại Heroine. Sau khi mua xong, T cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái rồi đi về nhà. Trên đường về T đi nhờ xe của một người đàn ông không quen biết, sau đó đi bộ về nhà. Đến 10 giờ 30 phút cùng ngày khi T đi bộ đến tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh B thì bị tổ công tác công an phường N, thành phố Đ đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 14 giờ 40 phút, ngày 29/8/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 1344/KL-KTHS ngày 05/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu các cục chất bột màu trắng đục gửi giám định thu giữ của bị cáo Lò Văn T là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,17 gam.

Tại bản cáo trạng số 184/CT-VKS-TPĐBP ngày 13/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo từ 16 tháng đến 19 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,09 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu trắng, trên mảnh nilon có in các chữ, số màu xanh; Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lò Văn T không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 10 giờ 30 phút ngày 29/8/2023 tại tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh B, Lò Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,17 gam Heroine, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 10 giờ 40 phút ngày 29/8/2023, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 14 giờ 40 phút ngày 29/8/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 1344/KL-KTHS ngày 05/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để sử dụng của bị cáo Lò Văn T là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 19/9/2019, bị tòa án nhân dân thành phố Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng, đến ngày 19/9/2021 bị cáo chấp hành xong, nhưng chưa hết thời gian được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 31/8/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng 06 ngày về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Ngày 06/9/2014, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án, nên đương nhiên được xóa án tích. Ngày 06/7/2015, bị tòa án nhân dân thành phố Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng, bị cáo đã chấp hành xong, nên được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà bị cáo đã

tàng trữ thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Đối với người đàn ông không quen biết đã bán ma túy cho bị cáo, bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Vật chứng: Đối với 0,09gam (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 mảnh nilon màu trắng, trên mảnh nilon có in các chữ, số màu xanh, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (29/8/2023).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,09 gam Heroine(Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu trắng, trên mảnh nilon có in các chữ, số màu xanh (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2023 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B).*

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/11/2023).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cụcTHADS TPĐBP;
- TA tỉnh B;
- Lưu HS THAHS;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành